

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 28 - 10 - 2020.

*V/v tranh chấp: “Kiện xin ly
hôn, nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

*** Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số nhà 87, đường LD, tổ 8, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H kết hôn vào ngày 22/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện DT (nay là thị xã DT), tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống từ cách nuôi dạy con chung đến việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, tranh luận kéo dài khiến cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng. Cả hai vợ chồng đều ý thức được việc vợ chồng mâu thuẫn sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và ảnh hưởng đến các con nên đã nhiều lần sau khi cãi vã cả hai đã tìm cách tự hòa giải và nhờ các kênh khác như gia đình, bạn bè và người thân tham gia hòa giải với

mục đích cải thiện cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Vì không giải tỏa được những bức xúc trong cuộc sống hôn nhân nên thời gian gần đây anh và chị H ít giao tiếp trao đổi với nhau. Hiện tại anh T vẫn ở chung nhà với chị H nhưng không ngồi ăn cùng với nhau. Đôi khi để giảm bớt căng thẳng thì anh T lại đi vài ngày mới về nhà. Thực tế chị H có yêu cầu anh T không ở chung nhà và không ăn cùng mâm với chị H và các con vì chị H cảm thấy không thoải mái khi ăn cùng với anh T. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã không còn quan hệ sinh lý với nhau nữa và cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Nguyễn Hùng P, sinh ngày 14/7/2014. Khi vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hùng P và để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Mạnh H1. Tại phiên tòa, anh T có nguyện vọng nuôi một con chung, nếu chị H nuôi dưỡng cháu P thì anh nuôi dưỡng cháu H1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Về ngày tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn chị H công nhận anh T khai là đúng. Theo chị H trong quá trình chung sống vợ chồng luôn luôn hòa thuận hạnh phúc, quan tâm thương yêu nhau. Đôi lúc vợ chồng có xảy ra những tranh luận, những quan điểm không đồng nhất nhưng theo chị đó là những mâu thuẫn mà gia đình nào cũng có. Chị H nhận thấy do tính chất công việc và cá tính sinh hoạt không điều độ, không phù hợp với gia đình của anh T nên chị H đề nghị anh T có thể ra ngoài sinh sống một thời gian để ổn định cuộc sống cho các con. Sau những mâu thuẫn đó vợ chồng cũng đã tự ngồi bàn bạc đưa ra cách giải quyết nội bộ chứ chưa phải nhờ đến gia đình, bạn bè và người thân hòa giải. Tại phiên tòa, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ tháng 02 năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Nguyễn Hùng P, sinh ngày 14/7/2014. Tại phiên tòa, chị H mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được thì chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hùng P, giao cháu Nguyễn Mạnh H1 cho anh T nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, hiện chị H không có thai nghén gì.

- Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

* Nguyện vọng của cháu H1: Nếu bố mẹ ly hôn cháu Nguyễn Mạnh H1 có nguyện vọng được ở với mẹ vì đã quen được mẹ chăm sóc.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly

hôn giữa anh T và chị H theo quy định pháp luật. Anh T và chị H có 02 con chung, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Anh T đề nghị giải quyết ly hôn giữa anh và chị H; về con chung anh có nguyện vọng nuôi dưỡng một con chung, nếu chị H đề nghị nuôi cháu P thì anh xin nuôi cháu H1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H cũng nhất trí ly hôn; về con chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được thì chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hùng P, giao cháu Nguyễn Mạnh H1 cho anh T nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về tài sản công nợ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư lý tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Hùng P, sinh ngày 14/7/2014; giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 30/12/2007 cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn: Anh T và chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 8, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên (nay là thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 11 năm 2006 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T tòa thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị H đã có thời gian sống hạnh phúc, gia đình đầm ấm, vợ chồng thương yêu và cùng nhau vun đắp xây dựng gia đình. Những mâu thuẫn, cãi vã có xảy ra nhưng cả hai đều ý thức được việc vợ chồng căng thẳng sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nên đã tự hòa giải nhiều lần để cuộc sống hôn nhân kéo dài được đến nay. Tuy nhiên việc anh, chị sống với nhau chỉ là duy trì hôn nhân chứ thực chất tình cảm vợ chồng đã không còn dành cho nhau nữa, cả anh T và chị H đều xác định mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, cả anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị H cũng thuận tình ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau là giải pháp cả anh T và chị H đều lựa chọn. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc một con chung và để chị H nuôi dưỡng chăm sóc một con chung, anh T không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị H muốn được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, nếu không thì chị đề nghị được nuôi cháu P vì cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của chị. Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của anh T và chị H là chính đáng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với con chung. Vì vậy cần giao cho anh T và chị H mỗi người nuôi dưỡng và chăm sóc một con chung. Cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn, nên cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và giao anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Mạnh H1 là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cả anh T và chị H đều có khả năng lao động, đều có nguồn thu nhập, anh T và chị H mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Do

vậy, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh T và chị H không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T và chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thu H.

2/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 30/12/2007; giao chị Phạm Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hùng P, sinh ngày 14/7/2014 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T và chị H mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004547 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Anh T được nhận lại 150.000 đồng.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA DS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã BT, thị xã DT,
tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên